

Số: /QĐ-TCKH

Biên Hòa, ngày tháng năm

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách năm 2021 của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Biên Hòa.**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của kế toán đơn vị,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách năm 2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Biên Hòa (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Phó Trưởng phòng và các tổ chuyên môn phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Phòng Văn hóa và TT (phối hợp công khai);
- Các Phó Trưởng phòng;
- Các Tổ chuyên môn;
- Lưu: VT, Kế toán.

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Vũ Quốc Thái**

**Biểu số 3- Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28/9/2018 của BTC**

Đơn vị: PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 618

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH  
NĂM 2021**

Căn cứ Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi

tiết thi hành một số Điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa

đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính

hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân

sách nhà nước hỗ trợ sau:

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3		5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>874.000.000</b>	<b>1.529.059.757</b>	<b>174,95%</b>	<b>117,55%</b>
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>274.000.000</b>	<b>287.497.163</b>	<b>104,93%</b>	<b>43,65%</b>
1	Lệ phí	260.000.000	259.150.000	99,67%	40,28%
	Lệ phí cấp GCN ĐKKD	260.000.000	259.150.000	99,67%	40,28%
2	Phí	14.000.000	28.347.163	202,48%	185,83%
	Phí thẩm định dự án	14.000.000	28.347.163	202,48%	185,83%
<b>II</b>	<b>Thu khác</b>	<b>600.000.000</b>	<b>1.241.562.594</b>	<b>206,93%</b>	<b>193,35%</b>
	Thu thẩm tra quyết toán	600.000.000	1.211.562.594	201,93%	194,75%
	Thu khác		30.000.000		150,00%
<b>III</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>612.600.000</b>	<b>371.123.348</b>	<b>60,58%</b>	<b>114,50%</b>
1	Chi sự nghiệp.....		<b>0</b>		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		<b>0</b>		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		<b>0</b>		
2	Chi quản lý hành chính	612.600.000	371.123.348	60,58%	114,50%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	612.600.000	371.123.348	60,58%	114,50%
	Phí thẩm định dự án	12.600.000	11.589.000	91,98%	241,09%
	Thu thẩm tra quyết toán	600.000.000	329.534.348	54,92%	110,46%
	Thu khác		30.000.000		142,86%
<b>IV</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>261.400.000</b>	<b>261.984.718</b>	<b>100,22%</b>	<b>40,62%</b>

1	Lệ phí	260.000.000	259.150.000	99,67%	40,28%
	Lệ phí cấp GCN ĐKKD	260.000.000	259.150.000	99,67%	40,28%
2	Phí	1.400.000	2.834.718	202,48%	185,83%
	Phí thẩm định dự án	1.400.000	2.834.718	202,48%	185,83%
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>3.873.000.000</b>	<b>3.456.413.128</b>	<b>89,24%</b>	<b>94,40%</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>3.873.000.000</b>	<b>3.456.413.128</b>	<b>89,24%</b>	<b>94,40%</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>3.873.000.000</b>	<b>3.456.413.128</b>	<b>89,24%</b>	<b>94,40%</b>
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>3.310.000.000</b>	<b>3.144.888.486</b>	<b>95,01%</b>	<b>97,39%</b>
	- Thanh toán cá nhân	2.122.000.000	1.961.151.325	92,42%	97,52%
	+ Lương, PC theo lương	2.122.000.000	1.961.151.325	92,42%	97,52%
	+ Trợ cấp tiết		0		
	+ Trợ cấp thôi việc		0		
	-Chi hoạt động:	1.188.000.000	1.183.737.161	99,64%	97,18%
	+Chi hoạt động		257.885.561		100,93%
	+Chi thu nhập tăng thêm		586.250.050		84,80%
	+ Trợ cấp ăn trưa		128.000.000		94,12%
	+Chi hỗ trợ		205.500.000		219,79%
	+ Trợ cấp thôi việc		6.101.550		55,77%
			0		0,00%
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>563.000.000</b>	<b>311.524.642</b>	<b>55,33%</b>	<b>72,04%</b>
	<b>340-341</b>	<b>540.000.000</b>	<b>239.865.917</b>	<b>44,42%</b>	<b>55,47%</b>
	- BCD PTKTTT	45.000.000	0	0,00%	
	- KP hoạt động ngoài khoản	225.000.000	127.000.000	56,44%	59,91%
	- KP trang bị phần mềm QLTS		0		
	- KP hoạt động thu phí, lệ phí	270.000.000	112.865.917	41,80%	66,99%
	- Chi hỗ trợ Tết theo QĐ 104/QĐ-UBND	23.000.000	23.000.000	100,00%	104,55%
	- Kinh phí tổ chức bán đấu giá	48.658.725	48.658.725	100,00%	93,60%